

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 6 – 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Dương.

- Ông Nguyễn Đình Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Bá Tr. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm HD, xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm X, xã TS, huyện DL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau: - Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Bá Tr và bà Nguyễn Thị M làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/201x. Việc kết hôn là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ năm 2014 đến nay chúng tôi sống ly thân. Nguyên nhân là do ông Phan Bá Tr phải đi chấp hành án phạt tù và do bất đồng quan điểm sống. Đến nay ông Phan Bá Tr thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phan Bá Tr làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi Phan Bá Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Phan Bá Tr và bà Nguyễn Thị M có 01 (Một) con chung là Phan Nguyễn Bá Kh – sinh ngày 28/11/201x. Ly hôn thì ông Phan Bá Tr đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Bá Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Theo Đơn trình bày ngày 28/4/2025, bà Nguyễn Thị M trình bày như sau: Bà Nguyễn Thị M đồng ý với ý kiến trình bày của ông Phan Bá Tr về mối quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung. Bà Nguyễn Thị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá Tr.

- Về con chung: Ly hôn thì bà Nguyễn Thị M đề nghị giao con chung là Phan Nguyễn Bá Kh – sinh ngày 28/11/201x cho bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Phan Bá Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phần tranh luận: Ông Phan Bá Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Bá Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Giao con chung là Phan Nguyễn Bá Kh – sinh ngày 28/11/201x cho bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Phan Bá Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Bá Tr, bà Nguyễn Thị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc ông Phan Bá Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã TS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Ông Phan Bá Tr có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ về các vấn đề liên quan trong vụ án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An trình bày tại văn bản số 07/UBND-TP ngày 29/5/2025 và căn cứ ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định ông Phan Bá Tr và bà Nguyễn Thị M làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện YT, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/201x; việc kết hôn giữa hai người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa ông Phan Bá Tr và bà Nguyễn Thị M là hợp pháp. Ông Phan Bá Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với bà Nguyễn Thị M nên cần được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét ông Phan Bá Tr và bà Nguyễn Thị M có thời gian sống ly thân đã lâu, hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không người nào có biện pháp để gìn giữ hạnh phúc gia đình và cả hai người đều đề nghị giải quyết ly hôn, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá Tr và giải quyết cho ông Phan Bá Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ ý kiến trình bày của các đương sự và UBND xã Trung Thành, Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị M và ông Phan Bá Tr có 01 (Một) con chung là Phan Nguyễn Bá Kh – sinh ngày 28/11/202x.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất đề nghị giao con chung cho bà Nguyễn Thị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét ý kiến của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Nguyễn Bá Kh. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung là Phan Nguyễn Bá Kh cho bà Nguyễn Thị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Phan Bá Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Phan Bá Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Bá Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Phan Nguyễn Bá Kh – sinh ngày 28/11/2023 cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc ông Phan Bá Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Phan Bá Tr đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013728 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (Đã thi hành xong).

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà